

Số: /QĐ-CĐSL

Sơn La, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về Chế độ làm việc
đối với nhà giáo ban hành kèm theo Quyết định số 1170/QĐ- CĐSL ngày
28/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/05/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý biên chế, CBCCV, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 972/QĐ-CĐSL ngày 10/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ kết quả xin ý kiến các đơn vị đối với nội dung dự kiến điều chỉnh, bổ sung trong Quy định về Chế độ làm việc đối với nhà giáo giảng dạy Cao đẳng Sư phạm, giảng dạy bồi dưỡng, giảng dạy tiếng Việt cho học sinh Lào, giảng dạy VHPT và nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp thuộc trường Cao đẳng Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1170/QĐ- CĐSL ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức- Hành chính, Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về Chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp thuộc trường Cao đẳng Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1170/QĐ- CĐSL ngày 28/12/2023. Cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 3 như sau:

“2. Hệ số qui đổi từ giờ chuẩn sang giờ trái đất là 2,67”

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 5 như sau:

Nội dung	Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	
	Cao đẳng (Mã ngạch: V.09.02.03 hoặc tương đương)	Trung cấp (Mã ngạch: V.09.02.08 hoặc tương đương)
Giảng dạy	450 (1200 giờ TĐ)	510 (1360 giờ TĐ)
Nghiên cứu khoa học	280 giờ TĐ	120 giờ TĐ
Đào tạo, bồi dưỡng	40 giờ TĐ	40 giờ TĐ
Kỹ năng rèn nghề, cập nhật công nghệ mới	240 giờ TĐ (Kỹ năng rèn nghề: 160 giờ TĐ)	240 giờ TĐ (Kỹ năng rèn nghề: 160 giờ TĐ)

3. Bổ sung thêm Khoản 3 sau Khoản 2, Điều 6 như sau:

“3. Đối với những đơn vị khoa, bộ môn không đủ định mức giảng dạy cho nhà giáo tại các phòng, trung tâm theo Quy định tại Khoản 2 Điều này, số giờ thiếu được quy

đổi sang các nhiệm vụ khác tại đơn vị (phòng, trung tâm) theo phân công của lãnh đạo”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 7 như sau:

“2. Nhà giáo tham gia giảng dạy nhiều loại hình đào tạo, nhiều cấp trình độ đào tạo trong một năm học được tính quy đổi (áp dụng theo định mức giờ giảng ở cấp trình độ cao nhất) và được cộng thêm số giờ đã giảng dạy vào giờ thực hiện trong năm học. Hệ số tính quy đổi như sau:

Nội dung tham gia đào tạo/giảng dạy	Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	
	Cao đẳng (Mã ngạch: V.09.02.03 hoặc tương đương)	Trung cấp (Mã ngạch: V.09.02.08 hoặc tương đương)
CĐSP, bồi dưỡng	1.18	-
VHPT	0.93	0.93
Cao đẳng nghề	1.0	-
Trung cấp nghề	0.88	1.0
Sơ cấp nghề; dạy nghề thường xuyên	0.85	0.96

5. Sửa đổi Khoản 1, Điều 9 như sau:

“1. Nhà giáo làm công tác chủ nhiệm lớp hoặc cố vấn học tập

- Đối với những lớp có số lượng trên 18 học sinh/sinh viên được tính giảm 15% định mức giờ giảng/1 lớp

- Đối với những lớp có số lượng từ 18 học sinh/sinh viên trở xuống được tính giảm 7.5% định mức giờ giảng/1 lớp

6. Sửa đổi Khoản 2, Điều 9 như sau:

“2. - Nhà giáo được giao quản lý phòng thực hành, thí nghiệm phải thường xuyên bảo trì, sửa chữa trang thiết bị thực hành, thí nghiệm được giảm 15% định mức giờ giảng/01 phòng thực hành, thí nghiệm

- Nhà giáo được giao quản lý phòng thực hành, thí nghiệm khác được giảm 10% định mức giờ giảng/01 phòng thực hành, thí nghiệm; Nhà giáo được giao nhiệm vụ tại Trại chăn nuôi được giảm 10% định mức giờ giảng

Lưu ý: Lãnh đạo các khoa có trách nhiệm phân công nhà giáo quản lý phòng thực hành, thí nghiệm đảm bảo tối đa 02 phòng/nhà giáo”.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 9 như sau:

“4. Nhà giáo là trưởng bộ môn, trưởng Trại chăn nuôi trực thuộc khoa được giảm 20% định mức giờ giảng; Riêng nhà giáo là trưởng bộ môn GDTC-QPAN được giảm tối đa 55% định mức giờ giảng (*Trưởng bộ môn GDTC-QPAN có trách nhiệm mô tả và báo cáo cụ thể kết quả công việc thực hiện ứng với số giờ đề xuất miễn giảm*)”

8. Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 10 như sau:

“ 1. Giảng dạy

b. Hệ số lớp đông: Đối với lớp học có trên 35 người thực học thì 01 giờ được tính bằng 1.2 giờ chuẩn; Lớp học có trên 50 người học nhưng tối đa không quá 60 người học 01 giờ được tính bằng 1.3 giờ chuẩn

c. Đối với các chương trình giảng dạy giáo dục chính trị đầu năm; giảng dạy kiến thức kỹ năng hỗ trợ cho HSSV: Một tiết giảng dạy theo kế hoạch tính bằng 01 giờ chuẩn (nếu có Kế hoạch chi tiết về thời gian thực hiện, số giờ chuẩn cụ thể đối với mỗi nội dung giảng dạy, số lượng sinh viên và được lãnh đạo nhà trường phê duyệt)”

9. Bổ sung Điểm d, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“d. Hướng dẫn chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có) được tính là 05 giờ chuẩn/chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có)”

10. Sửa đổi, bổ sung Điểm e, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“Biên soạn bài giảng điện tử theo kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi được nghiệm thu được tính quy đổi ra giờ chuẩn theo mức: 20 giờ chuẩn/01 tín chỉ lý thuyết; 30 giờ chuẩn /01 tín chỉ thực hành (Hồ sơ để được công nhận gồm: Kế hoạch được phê duyệt của Khoa; Quyết định nghiệm thu, công nhận của nhà trường); Xây dựng phần mềm mô phỏng cho 01 môn học, mô đun được nghiệm thu được tính hoàn thành định mức nghiên cứu khoa học cho 01 cá nhân (Hồ sơ để được công nhận theo hồ sơ một đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường)

11. Bổ sung Điểm f, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“f. Tự làm các trang thiết bị dạy học cấp trường trở lên theo kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt được tính quy đổi ra giờ chuẩn theo các mức 10, 20, 30, 40 giờ chuẩn/sản phẩm tương ứng với các cấp độ đạt hoặc đạt giải khuyến khích, ba, nhì, nhất. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định”

12. Bổ sung Điểm n,m sau Điểm k, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“n. Hướng dẫn sinh viên thực hiện tự học có hướng dẫn được tính quy đổi ra giờ chuẩn theo mức 1 giờ hướng dẫn tính bằng 0.5 giờ chuẩn”

“m. Đối với nhà giáo giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, thời gian làm công tác phong trào thể dục thể thao, huấn luyện quân sự cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên của đơn vị được tính 1,5 giờ chuẩn/ buổi (Theo Quyết định hoặc Kế hoạch được lãnh đạo nhà trường phê duyệt)”

13. Bổ sung Khoản 1, Điều 11 như sau:

“1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà giáo bao gồm: Chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài, đề án, dự án nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm từ cấp trường trở lên; hướng dẫn sinh viên thực hiện NCKH cấp trường trở lên; hướng dẫn tham gia cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp HSSV giáo dục nghề nghiệp- Startup Kite cấp trường trở lên và các hoạt động KHCN khác theo quy định của Nhà trường”

14. Bổ sung Điểm c, Khoản 2, Điều 11 như sau:

“c. Hướng dẫn sinh viên thực hiện một đề tài NCKH cấp trường trở lên được nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên được tính hoàn thành 50% định mức NCKH; Hướng dẫn sinh viên tham gia cuộc thi Ý tưởng khởi nghiệp HSSV giáo dục nghề nghiệp- Startup Kite cấp trường trở lên đạt giải được tính hoàn thành định mức NCKH: 50% đối với giải nhất, 40% đối với giải nhì, 30% đối với giải ba, 20% đối với giải khuyến khích”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều Quy định về Chế độ làm việc đối với nhà giáo giảng dạy Cao đẳng Sư phạm, giảng dạy bồi dưỡng, giảng dạy tiếng Việt cho học sinh Lào, giảng dạy VHPT thuộc trường Cao đẳng Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1170/QĐ- CĐSL ngày 28/12/2023. Cụ thể:

1. Bổ sung thêm Khoản 3 sau Khoản 2, Điều 6 như sau:

“3. Đối với những đơn vị Khoa, bộ môn không đủ định mức giảng dạy cho nhà giáo tại các phòng, trung tâm theo Quy định tại Khoản 2 Điều này, số giờ thiếu được quy đổi sang các nhiệm vụ khác tại đơn vị (phòng, trung tâm) theo phân công của lãnh đạo”

2. Sửa đổi Khoản 2, Điều 7 như sau:

Loại hình	Nội dung tham gia đào tạo				
	CĐSP; Bồi dưỡng	VHPT	Giáo dục nghề nghiệp		
			Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp, dạy nghề thường xuyên
Cao đẳng sư phạm (Mã	01	0.83	0.84	0.75	0.72

ngạch V.07.01.02 hoặc V.07.08.21 và V.07.08.22)					
---	--	--	--	--	--

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 1, 2, Điều 10 như sau:

“1. Giảng dạy:

b. Đối với các chương trình giảng dạy giáo dục chính trị đầu năm; giảng dạy kiến thức kỹ năng bổ trợ cho HSSV: Một tiết giảng dạy theo kế hoạch tính bằng 01 giờ chuẩn (nếu có Kế hoạch chi tiết về thời gian thực hiện, số giờ chuẩn cụ thể đối với mỗi nội dung giảng dạy, số lượng sinh viên và được lãnh đạo nhà trường phê duyệt)”

“2. Soạn đề thi, duyệt đề thi, coi thi, chấm thi”

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, mục 2.2, Khoản 2, Điều 10 như sau:

“2.2. Đối với đối tượng bồi dưỡng

a. Bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên:

Soạn đề thi thu hoạch cuối khóa: 01 đề thi kèm theo đáp án được tính bằng 01 giờ chuẩn (tối đa 5 đề/phần)

Chấm thi được tính 0,5 giờ chuẩn/bài thu hoạch cuối khóa (đối với bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên); 01 giờ chuẩn /tiểu luận tốt nghiệp (đối với bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục)

Chủ tịch Hội đồng chấm bản thu hoạch; cuối khóa 01 buổi được tính 02 giờ chuẩn; phó chủ tịch Hội đồng và thư ký Hội đồng 01 buổi được tính 01 giờ chuẩn (tính theo thời gian thực tế làm việc thể hiện trong Quyết định thành lập Hội đồng)”

5. Bổ sung Điểm b, mục 2.2, Khoản 2, Điều 10 như sau:

“- Soạn đề thi (tính 01 lần/chương trình/năm học): 01 đề thi viết kèm theo đáp án được tính bằng 02 giờ chuẩn (tối đa 05 đề); 01 đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính bằng 2.5 giờ chuẩn (tối đa 05 đề); 01 đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính bằng 0.5 giờ chuẩn (tối đa 10 đề); 01 đề thi thực hành kèm theo đáp án được tính bằng 1.5 giờ chuẩn (tối đa 10 đề)

- Duyệt đề thi : Duyệt 1 đề kiểm tra viết, trắc nghiệm và đáp án được tính 0,5 giờ chuẩn; Duyệt 1 đề kiểm tra vấn đáp và đáp án được tính 0,5 giờ chuẩn

- Chấm các bài thi thi viết và thi trắc nghiệm, vấn đáp (nếu có) cuối khoá được tính 0,2 giờ chuẩn/học viên

- Ban coi thi (làm việc vào ngày nghỉ, ngoài giờ hành chính, khi tổ chức thi tại nhà trường): Trưởng ban coi thi 02 giờ chuẩn/ 01 buổi thi; Phó ban coi thi và Thư ký 01 giờ chuẩn/01 buổi thi; thanh tra thi 1,5 giờ chuẩn/01 buổi thi/người; Giảng viên coi thi, mỗi buổi coi thi được tính 1.5 giờ chuẩn/giảng viên”

6. Bổ sung thêm Điểm c, Điểm d, Điểm đ sau Điểm b, mục 2.2, Khoản 2, Điều 10 như sau:

“c. Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ Sơ cấp

+ Soạn đề thi/ Kiểm tra viết kết thúc Modulun và đáp án: được tính 2,5 giờ chuẩn/đề. Duyệt đề thi viết và đáp án được tính 0,5 giờ/ đề.

+ Coi thi/kiểm tra: mỗi tiết được tính 0,5 giờ chuẩn/giảng viên.

+ Chấm bài thi/Kiểm tra kết thúc Modulun mỗi lượt chấm 4 bài được tính 1 giờ chuẩn/GV.

d. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức GDNN

+ Soạn Kiểm tra viết kết thúc phần kiến thức được tính 2,5 giờ chuẩn/đề. Duyệt đề thi viết và đáp án được tính 0,5 giờ/ đề.

+ Coi kiểm tra: mỗi tiết được tính 0,5 giờ chuẩn/giảng viên.

- + Chấm bài kiểm tra kết thúc phần kiến thức mỗi lượt chấm 4 bài được tính 1 giờ chuẩn/GV
- + Chấm bài thu hoạch mỗi lượt chấm 4 bài được tính 1 giờ chuẩn/GV.
- đ. Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non
- + Soạn Kiểm tra viết kết thúc phần kiến thức được tính 2,5 giờ chuẩn/đề. Duyệt đề thi viết và đáp án được tính 0,5 giờ/ đề.
- + Coi kiểm tra: mỗi tiết được tính 0,5 giờ chuẩn/giảng viên.
- + Chấm bài kiểm tra kết thúc phần kiến thức mỗi lượt chấm 4 bài được tính 1 giờ chuẩn/GV
- + Chấm bài thu hoạch mỗi lượt chấm 4 bài được tính 1 giờ chuẩn/GV”

7. Bổ sung Điểm e, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“e. Tự làm các trang thiết bị dạy học cấp trường trở lên theo kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt được tính quy đổi ra giờ chuẩn theo các mức 10, 20, 30, 40 giờ chuẩn/sản phẩm tương ứng với các cấp độ đạt hoặc đạt giải khuyến khích, ba, nhì, nhất. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định”

8. Sửa đổi Điểm g, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“g. Viết tài liệu, giáo trình lưu hành nội bộ được nhà trường nghiệm thu”

9. Bổ sung Điểm f, Khoản 3, Điều 10 như sau:

“f. Đối với bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên”

10. Điều chỉnh Khoản 1, Mục 1.11, Điều 13 như sau :

“1.11. Nhà giáo giảng dạy bồi dưỡng, dạy Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào làm công tác chủ nhiệm lớp được tính 04 giờ lao động thực tế/1 tuần”.

Điều 3. Nội dung được điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định này được áp dụng từ năm học 2024 - 2025; Các nội dung khác trong Quy định về Chế độ làm việc đối với nhà giáo giảng dạy Cao đẳng Sư phạm, giảng dạy bồi dưỡng, giảng dạy tiếng Việt cho học sinh Lào, giảng dạy VHPT và nhà giáo Giáo dục nghề nghiệp thuộc trường Cao đẳng Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 1170/QĐ-CĐSL ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La vẫn giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Trưởng các đơn vị trực thuộc; Nhà giáo trong nhà trường có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BTV Đảng ủy (Báo cáo);
- BTV Công đoàn (Phối hợp);
- Lãnh đạo nhà trường (Chỉ đạo);
- Như điều 4 (Thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long